Ký bởi Trung tâm Công báo - Tin học
Văn phòng Ủy ban Nhân dân, Tỉnh Bắc Kạn
trungtamcongbao@backan.gov.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 504/QĐ-UBND	*Bắc Kạn, ngày 29 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khí tượng Thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng Thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng Thủy văn;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật về quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn đối với trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

Căn cứ Kế hoạch số 66-KH/TU ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Tỉnh ủy Bắc Kạn về thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 96/TTr-STNMT ngày 20 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Bắc Kạn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Quang Tuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG TỈNH BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xây dựng và phát triển hệ thống mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu phục vụ công tác dự báo, cảnh báo, phục vụ hiệu quả công tác phòng chống thiên tai, công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khí tượng thủy văn, đồng thời khai thác dữ liệu phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Xác định nhu cầu và xây dựng mạng lưới các trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; bảo đảm đồng bộ với mạng lưới khí tượng thủy văn quốc gia.

- Việc phát triển mạng lưới khí tượng thủy văn chuyên dùng phải có tính kế thừa, tận dụng và phát huy tối đa cơ sở vật chất, kỹ thuật và nguồn lực hiện có.

II. NỘI DUNG

1. Nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn của địa phương

Bắc Kạn là tỉnh miền núi, có địa hình chia cắt phức tạp, chủ yếu là đồi núi cao, có độ dốc lớn, lại là tỉnh đầu nguồn của nhiều hệ thống sông, suối. Hằng năm, tỉnh chịu nhiều tác động của các loại hình thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn (KTTV) xảy ra như bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn gây ra lũ quét, lũ lớn, ngập úng và sạt lở đất; nắng nóng, hạn hán, dông - lốc - sét và mưa đá, rét đậm - rét hại - băng giá và sương muối gây nhiều thiệt hại về người và tài sản, ảnh hưởng đến đời sống và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đối với tỉnh Bắc Kạn cũng như với các địa phương khác, nhu cầu khai thác thông tin dữ liệu KTTV càng trở nên cấp thiết nhằm phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; phục vụ sản xuất và các hoạt động kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, cùng với đó thông tin dữ liệu KTTV còn phục vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực như giao thông, xây dựng, thủy lợi, y tế, du lịch…

Mạng lưới trạm KTTV trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hiện nay chủ yếu vẫn là mạng lưới trạm KTTV quốc gia, với nguồn thông tin dữ liệu chỉ đáp ứng được cơ bản công tác dự báo, cảnh báo KTTV ở trên toàn khu vực. Đối với dự báo KTTV chưa dự báo chi tiết đến cấp huyện, xã đặc biệt là đối với các khu vực thường xuyên xảy ra lũ, lũ quét hay đối với thủy văn nhiều vị trí trên các sông, nơi thường xuyên xảy ra ngập lụt không có trạm quan trắc nên không thể dự báo chi tiết đến từng vị trí. Nguồn thông tin dữ liệu KTTV chưa đáp ứng được với nhu cầu sử dụng riêng của các đối tượng khác nhau, trong đó tính toán lập quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế với quy mô từng khu vực; tính toán thiết kế các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi, điện lực, viễn thông…; tính toán bố trí mùa vụ lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi ở từng địa phương, từng khu vực khác nhau.

Việc phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh là hết sức cần thiết và có nhiều ý nghĩa thực tiễn. Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có được nguồn thông tin dữ liệu KTTV đa dạng, đáp ứng cho nhu cầu dùng riêng của từng khu vực, từng địa phương giúp nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo, phòng, tránh giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khả năng đáp ứng thực tế về thông tin, dữ liệu KTTV của mạng lưới trạm KTTV quốc gia đối với yêu cầu, mục đích riêng

2.1. Mạng lưới trạm KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh

Số lượng trạm quan trắc KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh là 07 trạm (trong đó 03 trạm khí tượng, 04 trạm thủy văn) và 09 trạm đo mưa tự động do chuyên ngành quản lý, tuy nhiên mức độ đáp ứng về nhu cầu thông tin, dữ liệu của mạng lưới trạm quan trắc KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh còn thiếu. Quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến 2030 được ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ đã bổ sung và tăng mật độ trạm tại Bắc Kạn (06 trạm khí tượng, 04 trạm thủy văn và 115 điểm đo mưa độc lập). Tuy nhiên, các trạm phát triển theo Quy hoạch chủ yếu phục vụ công tác điều tra cơ bản và dự báo, cảnh báo KTTV ở quy mô lớn.

Bắc Kạn là tỉnh có hệ thống sông, suối khá dày đặc và phân bố đồng đều, trên toàn tỉnh có 05 hệ thống sông chính, các sông chảy theo hướng Nam, gồm: Sông Cầu, Sông Năng (nhánh Sông Gâm), sông Phó Đáy, hệ thống sông Bắc Giang và sông Na Rì. Tuy nhiên, chỉ có 04 trạm thủy văn (03 trạm trên Sông Cầu và 01 trạm trên Sông Năng) và 03 trạm khí tượng (Bắc Kạn, Ngân Sơn, Chợ Rã). So với mật độ các trạm KTTV của một số nước trong khu vực và của tổ chức khí tượng thế giới thì hệ thống mạng lưới trạm KTTV của tỉnh Bắc Kạn là tương đối phù hợp, hiện tại số liệu đáp ứng nhu cầu phục vụ cho Tổng cục KTTV dự báo trên diện rộng toàn khu vực mang tính đại diện cho toàn tỉnh, nhưng chưa dự báo được cụ thể, chi tiết các khu vực trong tỉnh Bắc Kạn để phục vụ các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án có sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV, do vậy cần bổ sung thêm mạng lưới trạm KTTV cho phù hợp và đáp ứng nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV của tỉnh.

2.2. Mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh

Hiện trên địa bàn tỉnh có 01 trạm khí tượng bề mặt chuyên dùng được xây dựng và lắp đặt tại Vườn Quốc gia Ba Bể; 71 trạm đo mưa và 04 trạm đo mực nước Nhân dân để cung cấp số liệu phục vụ công tác dự báo, cảnh báo.

Đối với hệ thống trạm đo hiện tại có 04 trạm đo mực nước Nhân dân và 41 trạm đo mưa tự động được lắp đặt các năm 2018, 2019, 2020 là do tỉnh quản lý, còn 30 trạm đo mưa lắp đặt trong năm 2022 do Tổng cục KTTV quản lý, mạng lưới trạm này cùng với mạng lưới trạm đo mưa quốc gia phát triển thêm 58 trạm trong lộ trình những năm tiếp theo nếu đạt kế hoạch 100% thì cơ bản đáp ứng yêu cầu.

Đánh giá về hệ thống trạm khí tượng bề mặt chuyên dùng trên địa bàn tỉnh mới chỉ có 01 trạm phục vụ vận hành Vườn Quốc gia Ba Bể, trong khi đó các khu vực khác như tại các huyện, các khu vực rừng đặc dụng… chưa có. Do đó có thể đánh giá hệ thống trạm đo như vậy là chưa phù hợp với mục đích dùng riêng của địa phương.

Vì vậy, về mạng lưới trạm quan trắc KTTV trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn chưa thể dự báo chi tiết cho các vùng nhỏ, các khu dân cư (thành phố, thị trấn) các khu du lịch, cụm công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, các hồ chứa phục vụ cho đời sống cộng đồng, an sinh xã hội, y tế, giao thông vận tải; chưa đủ để phục vụ nhu cầu về thông tin dữ liệu KTTV cho các đơn vị tham mưu của tỉnh lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cũng như phục vụ phát triển bền vững, ổn định đảm bảo nguồn tài nguyên thiên nhiên.

(Danh sách các trạm KTTV chuyên dùng hiện có trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này).

3. Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng tỉnh Bắc Kạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Kế hoạch phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2030, ngoài các trạm quan trắc KTTV quốc gia trên địa bàn tỉnh và các trạm KTTV chuyên dùng hiện có trên địa bàn tỉnh, dự kiến sẽ phát triển thêm 05 trạm khí tượng chuyên dùng và 11 trạm thủy văn chuyên dùng, được chia làm 02 giai đoạn (2023 - 2025 và 2026 - 2030), cụ thể:

3.1. Giai đoạn 2023 - 2025

a) Nhiệm vụ phát triển

- Giai đoạn này ưu tiên khôi phục, bảo trì, bảo dưỡng, thay thế, nâng cấp thiết bị quan trắc của các trạm, điểm đo hiện đang dừng hoạt động hoặc quá hạn bảo trì, bảo dưỡng; xây dựng mới các trạm, điểm đo KTTV chuyên dùng phục vụ nhu cầu cấp bách của các ngành, lĩnh vực trong tỉnh.

- Từng bước đầu tư xây dựng và hoàn thiện mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng theo hướng tự động, tiên tiến, hiện đại, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật, quy chuẩn, tiêu chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn hóa, đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu KTTV quốc gia; kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh thông tin phục vụ các ngành, các lĩnh vực, tổ chức, cá nhân, cộng đồng có nhu cầu sử dụng thông tin, dữ liệu từ mạng lưới KTTV chuyên dùng.

- Tăng cường, nâng cao năng lực về kỹ thuật, quản lý và vận hành cho đội ngũ cán bộ, quan trắc viên làm công tác đo đạc của hệ thống trạm quan trắc KTTV chuyên dùng của tỉnh và chủ các công trình bắt buộc phải quan trắc KTTV theo quy định của pháp luật.

b) Kế hoạch phát triển

- Trạm khí tượng chuyên dùng: Xây mới: 04 trạm; nâng cấp: Không

- Trạm thủy văn chuyên dùng: Xây mới: 08 trạm; nâng cấp: 02 trạm.

- Trạm đo mưa tự động: Không.

3.2. Giai đoạn 2026 - 2030

a) Nhiệm vụ phát triển

- Tiếp tục duy trì hoạt động các trạm, điểm đo hiện có và phát triển mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch.

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các cơ chế quản lý, vận hành, khai thác các trạm, điểm đo; xây dựng cơ chế khai thác, chia sẻ thông tin, dữ liệu nhằm phát huy hiệu quả của mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng.

- Hình thành hệ thống thông tin kết nối các trạm quan trắc KTTV quốc gia trong tỉnh. Tiếp tục nâng cấp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, bảo đảm thông tin thông suốt, đồng bộ, có hệ thống và độ tin cậy cao.

b) Kế hoạch phát triển

- Trạm khí tượng chuyên dùng: Xây mới: 01 trạm; nâng cấp: Không

- Trạm thủy văn chuyên dùng: Xây mới: Không; nâng cấp: 01 trạm.

- Trạm đo mưa tự động: Không.

(Chi tiết các trạm và phân kỳ thực hiện tại Phụ lục II)

III. GIẢI PHÁP VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

1. Giải pháp thực hiện

1.1. Về chính sách pháp luật, kiện toàn tổ chức bộ máy

- Xây dựng và ban hành các văn bản quy định về việc quản lý, khai thác, chia sẻ thông tin dữ liệu quan trắc của mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng giữa các sở, ngành, các chủ công trình có hoạt động quan trắc KTTV và cơ quan KTTV Trung ương.

- Từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý về KTTV ở các cấp, các ngành; đào tạo bổ sung đội ngũ quan trắc viên, kỹ thuật viên đáp ứng yêu cầu thực tế.

1.2. Về xây dựng cơ sở vật chất, đổi mới công nghệ quan trắc

- Ưu tiên đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc KTTV ở các vùng có mật độ mạng lưới chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật đi đôi với việc đầu tư trang thiết bị và công nghệ hiện đại cho các hoạt động quan trắc, truyền tin, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV.

- Triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu KTTV và biến đổi khí hậu nhằm tập trung khai thác và quản lý dữ liệu KTTV và biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh. Đưa thông tin KTTV là đầu vào quan trọng của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, phục vụ cuộc sống hằng ngày của người dân và đảm bảo quốc phòng, an ninh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ quan trắc, truyền tin, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

2. Nguồn lực thực hiện

2.1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác

- Hoàn thiện hệ thống quan trắc KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh thông qua việc lồng ghép các dự án đầu tư xây dựng công trình; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quan trắc về KTTV đáp ứng yêu cầu vận hành của từng trạm, điểm quan trắc và toàn bộ mạng lưới.

- Thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu KTTV phục vụ công tác phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2.2. Nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu KTTV

- Huy động tối đa các nguồn vốn từ các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để phát triển mạng lưới KTTV chuyên dùng.

- Bố trí nguồn vốn hợp lý cho việc đầu tư phát triển, hoàn thiện mạng lưới KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

- Chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng các trạm KTTV chuyên dùng phục vụ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Là đơn vị chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, xây dựng dự toán hằng năm hoặc giai đoạn thực hiện trình Sở Tài chính thẩm định; tổng hợp báo cáo tình hình triển khai thực hiện theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương.

- Quản lý, giám sát các hoạt động quan trắc, cung cấp thông tin, khai thác sử dụng thông tin dữ liệu KTTV trên địa bàn tỉnh trong việc xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc bảo vệ, giải quyết các vi phạm hành lang an toàn kỹ thuật công trình KTTV chuyên dùng; tổ chức, tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức cộng đồng về quản lý, bảo vệ công trình KTTV chuyên dùng; thu nhận thông tin, dữ liệu quan trắc KTTV chuyên dùng trên địa bàn địa phương; xây dựng cơ sở dữ liệu chuẩn hóa, đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu KTTV quốc gia.

- Phối hợp với Đài KTTV tỉnh Bắc Kạn và các cơ quan đơn vị có liên quan thực hiện triển khai lắp đặt, quản lý, duy trì hoạt động các công trình KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thu thập, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV và thông tin, dữ liệu quan trắc tại các trạm KTTV chuyên dùng để kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các biện pháp phòng ngừa, ứng phó để chủ động phòng tránh khi xảy ra thiên tai.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan khi thẩm định, thẩm tra, đánh giá đối với các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, dự án liên quan đến lĩnh vực thuộc ngành nông nghiệp có sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV có trách nhiệm thẩm định, thẩm tra nguồn gốc thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn để đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương.

3. Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Bắc Kạn

- Phối hợp với sở, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện lắp đặt, quản lý, sửa chữa, duy trì hoạt động các công trình KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh; thu nhận và cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ công tác dự báo, cảnh báo thiên tai trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp rà soát hệ thống mạng lưới trạm KTTV chuyên dùng của tỉnh để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với nhu cầu thực tế tại địa phương.

4. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí để xây dựng, quản lý, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng các trạm KTTV chuyên dùng.

- Phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng mục đích.

5. Các sở, ngành liên quan

- Thực hiện các quy định của pháp luật về KTTV trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu KTTV phục vụ lập quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư phát triển của ngành, lĩnh vực.

- Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) xây dựng các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn tỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế của ngành, lĩnh vực.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tạo điều kiện về vị trí, mặt bằng để triển khai xây dựng, lắp đặt các trạm KTTV chuyên dùng trên địa bàn.

- Phối hợp với các Sở Tài nguyên và Môi trường, Đài KTTV tỉnh Bắc Kạn trong việc bảo vệ hành lang kỹ thuật các công trình KTTV chuyên dùng được lắp đặt trên địa bàn.

7. Các chủ công trình KTTV chuyên dùng

- Thực hiện việc quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu KTTV theo quy định tại Nghị định số 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khí tượng Thủy văn và các quy định liên quan khác.

- Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác có hiệu quả trạm KTTV chuyên dùng được giao quản lý, sử dụng; định kỳ cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc và báo cáo kết quả hoạt động quan trắc KTTV chuyên dùng cho các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ quan trắc viên.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung Kế hoạch nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc cần kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG TỈNH BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Kế hoạch Phát triển mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ban hành theo Quyết định số 504/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

Phụ lục I
DANH SÁCH CÁC TRẠM KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN CHUYÊN DÙNG HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

1. Trạm khí tượng chuyên dùng

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
1	Ba Bể	Vườn Quốc gia Ba Bể, huyện Ba Bể	Lượng mưa, nhiệt độ, độ ẩm không khí, hướng và tốc độ gió	Tự động	2021 đến nay	Thuộc công trình phải quan trắc theo Nghị định số 48/2020/NĐ-CP

2. Trạm quan trắc mực nước chuyên dùng

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
1	Chợ Rã	Thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	Mực nước	Thủ công	2002 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
2	Nam Cường	Xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn	Mực nước	Thủ công	2002 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
3	Đông Viên (Đồng Thắng)	Xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn	Mực nước	Thủ công	2002 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
4	Bắc Kạn	Phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn	Mực nước	Thủ công	2002 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh

3. Trạm quan trắc mưa tự động chuyên dùng

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
1	Bằng Thành	Xã Bằng Thành, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
2	Nhạn Môn	Xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
3	Bộc Bố	Xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
4	Xuân La	Xã Xuân La, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
5	Cao Tân	Xã Cao Tân, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
6	Khang Ninh	Xã Khang Ninh, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
7	Phúc Lộc	Xã Phú Lộc, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
8	Yến Dương	Xã Yến Dương, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
9	Quảng Khê	Xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
10	Bằng Vân	Xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
11	Thượng Quan	Xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
12	Cốc Đán	Xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
13	Thị trấn Nà Phặc	Thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
14	Hiệp Lực	Xã Hiệp Lực, huyện Ngân Sơn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
15	Đức Vân	Xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
16	Côn Minh	Xã Côn Minh, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
17	Hảo Nghĩa	Xã Hảo Nghĩa, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
18	Vũ Loan	Xã Vũ Loan, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
19	Đồng Xá	Xã Đồng Xá, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
20	Lương Thượng	Xã Lương Thượng, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
21	Vũ Muộn	Xã Vũ Muộn, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
22	Cẩm Giàng	Xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
23	Lục Bình	Xã Lục Bình, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
24	Dương Quang	Xã Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
25	Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
26	Quảng Bạch	Xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
27	Yên Thượng	Xã Yên Thượng, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
28	Bằng Lũng	Xã Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
29	Nam Cường	Xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
30	Bình Trung	Xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
31	Đông Viên	Xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
32	Bản Thi	Xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
33	Lương Bằng	Xã Lương Bằng, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
34	Yên Phong	Xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
35	Đồng Lạc	Xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
36	Hòa Mục	Xã Hòa Mục, huyện Chợ Mới	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
37	Nông Thịnh	Xã Nông Thịnh, huyện Chợ Mới	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
38	Yên Hân	Xã Yên Hân, huyện Chợ Mới	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
39	Thanh Mai	Xã Thanh Mai, huyện Chợ Mới	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
40	Tân Sơn	Xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
41	Thanh Thịnh	Xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới	Lượng mưa	Tự động	2019 đến nay	Thuộc quản lý của Ban Chỉ huy về Phòng, chống thiên tai của tỉnh
42	Yến Dương	Xã Yến Dương, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
43	Bành Trạch 1	Xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
44	Bành Trạch 2	Xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
45	Cao Thượng	Xã Cao Thượng, huyện Ba Bể	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
46	Mỹ Thanh	Xã Mỹ Thanh, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
47	Dương Phong 1	Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
48	Dương Phong 2	Xã Dương Phong, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
49	Đôn Phong 3	Xã Đông Phong, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
50	Đôn Phong 2	Xã Đông Phong, huyện Bạch Thông	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
51	Bằng Lãng	Xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
52	Ngọc Phái	Xã Ngọc Phái, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
53	Quảng Bạch	Xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
54	Tân Lập	Xã Tân Lập, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
55	Đồng Lạc 2	Xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
56	Xuân Lạc	Xã Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
57	Bản Thi	Xã Bản Thi, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
58	Đồng Lạc 1	Xã Đồng Lạc, huyện Chợ Đồn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
59	Bình Văn	Xã Bình Văn, huyện Chợ Mới	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
60	Vũ Loan 1	Xã Văn Vũ, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn

TT	Tên trạm	Vị trí	Yếu tố quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Ghi chú
61	Vũ Loan 2	Xã Văn Vũ, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
62	Lương Thượng	Xã Lương Thượng, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
63	Kim Hỷ	Xã Kim Hỷ, huyện Na Rì	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
64	Thượng Quan	Xã Thượng Quan, huyện Ngân Sơn	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
65	Nghiên Loan 2	Xã Nghiên Loan, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
66	Bộc Bố 1	Xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
67	Bộc Bố 2	Xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
68	Giáo Hiệu	Xã Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
69	Cổ Linh	Xã Cổ Linh, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
70	Công Bằng	Xã Công Bằng, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn
71	Nhạn Môn	Xã Nhạn Môn, huyện Pác Nặm	Lượng mưa	Tự động	Từ 2022 đến nay	Thuộc quản lý của Tổng cục Khí tượng thủy văn

Phụ lục II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI TRẠM KTTV CHUYÊN DÙNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

1. Trạm khí tượng chuyên dùng

TT	Tên trạm	Vị trí đặt công trình	Nội dung quan trắc	Quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Phân kỳ thực hiện				Ghi chú
						2023 - 2025		2026 - 2030		
						Nâng cấp	Xây mới	Nâng cấp	Xây mới	
1	Bộc Bố	Ủy ban nhân dân xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm	Gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, độ ẩm không khí	Tự động	Từ năm 2023		x			
2	Yến Lạc	Thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì	Gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, độ ẩm không khí	Tự động	Từ năm 2026				x	
3	Xuân Lạc	Ban Quản lý Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc, huyện Chợ Đồn	Gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, độ ẩm không khí, hướng và tốc độ gió	Tự động	Từ năm 2023		x			
4	Kim Hỷ	Ban Quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ, huyện Na Rì	Gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, độ ẩm không khí, hướng và tốc độ gió	Tự động	Từ năm 2023		x			
5	Hồ Ba Bể	Đảo An Mã, hồ Ba Bể, huyện Ba Bể	Gió, lượng mưa, nhiệt độ không khí, độ ẩm không khí	Tự động	Từ năm 2023		x			Có kèm quan trắc mực nước và chất lượng nước
	Tổng số					**0**	**4**	**0**	**1**	

2. Trạm thủy văn chuyên dùng

TT	Tên trạm	Địa danh	Sông/suối	Nội dung quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Hiện trạng	Phân kỳ thực hiện			
							2023 - 2025		2026 - 2030	
							Nâng cấp	Xây mới	Nâng cấp	Xây mới
1	Ba Bể	Thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể	Sông Năng	Mực nước	Từ năm 2002 đến nay	Đã có	x			
2	Nam Cường	Xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn	Suối Nam Cường	Mực nước	Từ năm 2002 đến nay	Đã có	x			
3	Bắc Kạn	Phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn	Sông Cầu	Mực nước	Từ năm 2023			x		
4	Quảng Khê	Xã Quảng Khê, huyện Ba Bể	Sông Năng	Mực nước	Từ năm 2023			x		
5	Bành Trạch	Xã Bành Trạch, huyện Ba Bể	Sông Năng	Mực nước	Từ năm 2026					x
6	Dương Sơn	Xã Dương Sơn, huyện Na Rì	Sông Na Rì - Bắc Giang	Mực nước	Từ năm 2023			x		
7	Đồng Thắng	Xã Đồng Thắng, huyện Chợ Đồn	Sông Cầu	Mực nước	Từ năm 2026	Đã có	x			
8	Bộc Bố	Xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm	Sông Năng	Mực nước	Từ năm 2023			x		
9	Vân Tùng	Xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn	Suối Ngân Sơn	Mực nước	Từ năm 2023			x		

TT	Tên trạm	Địa danh	Sông/suối	Nội dung quan trắc	Thời gian bắt đầu hoạt động	Hiện trạng	Phân kỳ thực hiện			
							2023 - 2025		2026 - 2030	
							Nâng cấp	Xây mới	Nâng cấp	Xây mới
10	Yến Lạc	Thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì	Sông Bắc Giang	Mực nước	Từ năm 2023			x		
11	Bình Trung	Xã Bình Trung, huyện Chợ Đồn	Sông Phó Đáy	Mực nước	Từ năm 2023			x		
	Tổng số					**3**	**3**	**7**	**0**	**1**